TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày 22 - 4 - 2025.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Viết Phúc.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trương Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Bông – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 140/2024/TL.ST - DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST – DS ngày 05/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST- DS ngày 26/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:
+ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1982;
+ Bà Nguyễn Thị Song T, sinh năm 1982.
Cùng địa chỉ: khối phố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.
Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:
+ Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1994. *(Vắng mặt).*
+ Bà Võ Thị Thuỷ T, sinh năm 2002. *(Có mặt).*
Cùng địa chỉ: 28 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản uỷ quyền ngày 10/10/2024)

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Phương Hồng T, sinh năm 1986
Địa chỉ: tổ 3, khối phố T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Thủy T trình bày:

Ngày 25/04/2024, bà Phạm Thị Phương Hồng T có vay của vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T số tiền 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/04/2024. Hợp đồng được lập thành văn bản và được công chứng tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Như N, số vào sổ 0177,3 quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung Hợp đồng, mục đích bà Phạm Thị Phương Hồng T vay tiền từ vợ chồng ông H bà T là để mua bất động sản. Thời hạn vay là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Hai bên ký Hợp đồng vay tiền và được công chứng chứng nhận hoặc cho đến khi bà Phạm Thị Phương Hồng T thanh toán xong hết số tiền vay.

Theo Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà Phạm Thị Phương Hồng T và ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T thì đến ngày 24/06/2024 bà Phạm Thị Phương Hồng T có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đã vay nói trên. Thế nhưng cho đến nay đã quá thời hạn nói trên hơn ba tháng nhưng khoản nợ này vẫn không được bà Phạm Thị Phương Hồng T thanh toán. Ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T đã nhiều lần liên lạc, gọi điện, nhắn tin, gặp mặt trực tiếp bà T để làm việc và yêu cầu thanh toán khoản nhưng bà T luôn viện nhiều lý do hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không chịu trả nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra, do đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà Phạm Thị Phương Hồng T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015, bà Phạm Thị Phương Hồng T có nghĩa vụ phải thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với gian chậm trả với lãi suất là 10%/năm. Tính từ ngày 24/06/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/4/2025, số ngày chậm trả của bà Phạm Thị Phương Hồng T là 302 ngày, tương ứng với số tiền lãi chậm trả là:

(Lãi chậm trả = 1.500.000.000 đồng x (10/365)% x 302 ngày = 124.109.589 đồng)

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/04/2024 là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Buộc bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử là ngày 22/4/2025 với số tiền là 124.109.589 đồng (một trăm hai mươi tư triệu một trăm lẻ chín ngàn năm trăm tám mươi chín đồng). Tổng số tiền mà bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T là: 1.624.109.589 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T không có yêu cầu phản tố, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà T không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không thể ghi nhận ý kiến bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 117, 275, 351, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị , Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T về việc buộc bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Phương Hồng T trả tiền theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/04/2024. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà Phạm Thị Phương Hồng T nhưng bà đều vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/04/2024 với số tiền là 1.500.000.000 đồng;

Theo hồ sơ khởi kiện, tại bút lục số 03 - 07 thể hiện vào ngày 25/04/2024 bà T có mượn nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng vay tiền và được công chứng chứng nhận hoặc cho đến khi bà Phạm Thị Phương Hồng T thanh toán xong hết số tiền vay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản,

các bên có lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Như Nga, có ghi số tiền vay, thời hạn trả tiền, ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi, có thỏa thuận thời gian trả tiền. Đối chiếu với quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán số tiền vay là 1.500.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm triệu đồng)* cho nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả đối với số nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền thể hiện thời hạn vay và lãi suất như sau: thời hạn vay: 60 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng này và được công chứng chứng nhận, hoặc cho đến khi bên B thanh toán xong hết số tiền vay; lãi suất vay: do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà Phạm Thị Phương Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T. Đối chiếu quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, cụ thể tiền lãi được tính như sau: theo hợp đồng vay tiền thì đến ngày 24/06/2024 bà Phạm Thị Phương Hồng T có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đã vay 1.500.000.000 đồng; nhưng bà T chưa thanh toán nên bà T phải có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 24/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2025 là 302 ngày, cụ thể: 1. 500.000.000 đồng x (302 ngày x $\frac{\mathbf{10\%năm}}{\mathbf{365\ ngày}}$) = 124.109.589 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T, buộc bà Phạm Thị Phương Hồng T có nghĩa vụ trả cho ông H bà T số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi 124.109.589 đồng (một trăm hai bốn triệu một trăm lẻ chin ngàn năm trăm tám chín đồng), tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.624.109.589 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận 1.624.109.589 đồng là 60.723.287đồng (36.000.000 đồng + (3% x 824.109.589 đồng) = 60.723.287 đồng) án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T đối với bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T.

2. Buộc bà Phạm Thị Phương Hồng T trả cho ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Song T số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) nợ gốc và 124.109.589 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) nợ lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 25 tháng 4 năm 2024 được lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Như Nga. Tổng số tiền bà Phạm Thị Phương Hồng T phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T 1.624.109.589 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/4/2025) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Phương Hồng T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là 60.723.287 đồng (sáu mươi triệu bảy trăm hai ba nghìn hai trăm tám bảy đồng).

- Trả lại cho ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Song T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019204 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(22/4/2025)*; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhạn